

KHÁI QUÁT VỀ QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VỚI LÀO VÀ CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN 1991 -2005

HOÀNG THỊ MINH HOA*
NGUYỄN VĂN CƯỜNG**

Là ba quốc gia cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, có nhiều đặc điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, vì vậy, Việt Nam, Lào, Campuchia sớm có mối bang giao qua lại thân thiết với nhau, cùng trải qua biết bao thăng trầm và biến cố của lịch sử. Ngày nay, trên con đường xây dựng và phát triển, cả ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia đều đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mối quan hệ bang giao truyền thống đã và đang được nâng cao và đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Trên cơ sở đó, quan hệ hợp tác toàn diện giữa ba dân tộc không ngừng được đẩy mạnh trong những năm qua, đặc biệt là sau khi Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết (1991) và Campuchia bước vào công cuộc cải cách kinh tế (1993). Mối quan hệ hợp tác giữa ba nước được chuyển dần từ trọng tâm là hợp tác chính trị, quốc phòng, an ninh sang hợp tác toàn diện, trong đó hợp tác kinh tế, thương mại là hoạt động chủ đạo. Quan hệ hợp tác giữa ba nước đang được biểu hiện ở những hình thức mới: "*Hợp tác*

láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài".

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, chiến tranh lạnh kết thúc đã ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của mối quan hệ kinh tế, thương mại giữa Việt Nam với Lào và Campuchia cũng như với sự hợp tác kinh tế quốc tế. Tháng 10 năm 1991, Hiệp định về Campuchia được ký kết đã xoa dịu mối quan hệ đối đầu căng thẳng giữa ASEAN và ba nước Đông Dương cũng như làm thay đổi thái độ của các cường quốc đối với 3 nước này. Đây là cơ hội thuận lợi tạo điều kiện cho Việt Nam, Lào và Campuchia hội nhập vào xu thế hòa bình, hội nhập khu vực Đông Nam Á và thế giới. Trên lĩnh vực kinh tế và thương mại, sau chiến tranh lạnh Đông Nam Á và Châu Á-TBD là khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới. Bên cạnh đó, quá trình hợp tác, liên kết quốc tế, liên kết khu vực và hội nhập quốc tế không ngừng được đẩy mạnh

*PGS.TS Hoàng Thị Minh Hoa: **Ths.Nguyễn Văn Cường Đại học Sư phạm Huế

trong những thập niên qua. Biểu hiện sinh động nhất là việc ASEAN không ngừng được tăng cường củng cố sức mạnh tổng hợp bằng việc các nước Việt Nam (1995), Lào và Mianma (1997), Campuchia (1999) lần lượt là thành viên chính thức của tổ chức này. Việt Nam và Campuchia còn là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Những biến động tích cực của tình hình thế giới và khu vực đòi hỏi Việt Nam, Lào và Campuchia phải có chiến lược kinh tế xã hội và đối ngoại đúng đắn nhằm tận dụng tối đa những lợi thế, hạn chế những khó khăn thách thức để đưa đất nước vươn lên trong quá trình hội nhập. Để làm được điều đó, ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia phải có sự liên kết, hợp tác chặt chẽ hơn nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp để hội nhập kinh tế quốc tế.

Vào nửa đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, với chủ trương mở cửa đúng đắn, sáng tạo, Việt Nam, Lào đã từng bước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, phục hồi và phát triển kinh tế, vị thế của Việt Nam, Lào trên trường quốc tế do đó không ngừng được nâng cao, là cơ sở quan trọng để Việt Nam, Lào tiếp tục tăng cường củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực, trong đó có hợp tác kinh tế với Campuchia. Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết (1991) là một bước ngoặt quan trọng để giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị tồn tại gần 2 thập kỷ trước đó. Trên cơ sở đó, năm 1993, Campuchia tiến hành cuộc tổng tuyển cử đầu tiên với thắng lợi của Chính phủ liên

hiệp Campuchia tuyên bố xoá bỏ chế độ Cộng hoà Nhân dân và thành lập Vương quốc Campuchia theo thể chế Quân lập hiến. Có thể nói, đến đây tình hình Campuchia mới cơ bản được ổn định. Ngay sau khi thành lập Chính phủ liên hiệp, Campuchia đã thực hiện chương trình cải cách kinh tế đất nước với nội dung chủ yếu là cơ bản chuyển nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó loạt các cuộc cải cách về hành chính, pháp... được ban hành tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia. Đây cũng là thời điểm đánh dấu sự hội nhập mạnh mẽ của Campuchia vào xu thế phát triển nền kinh tế thế giới. Trong tiến trình hội nhập đó, Campuchia luôn coi hợp tác kinh tế với các nước láng giềng có một ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, hợp tác kinh tế Campuchia với Việt Nam và Lào cũng được coi là một cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội hội nhập của thời đại.

II. MỘT SỐ THÀNH TỰU CƠ BẢN TRONG QUAN HỆ KINH THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ LAO VÀ CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN 1991-2005

1. Quan hệ kinh tế, thương mại giữa Việt Nam với Lào

Trong giai đoạn 1991-2005, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Lào đã có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là năm 1992, thời điểm Việt Nam và Lào ký kết Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật giai đoạn 1992-2005 và Hiệp định thương mại (1998). Trên lĩnh vực đầu

trực tiếp, giai đoạn 1991-2005, Việt Nam là một trong những nước đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Lào. Nếu như trước 1996, Việt Nam mới chỉ có 3 dự án đầu tư vào Lào thì đến tháng 3/2002 đã tăng lên 19 dự án với sự tham gia của 20 đối tác Việt Nam tại Lào, số vốn đăng ký là 18,8 triệu USD [4, 16], chiếm 35,25% số vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, đứng đầu trong tổng số 57 dự án đầu tư ra nước ngoài (36,25 triệu USD/18 quốc gia) là đối tác đứng thứ 14 trong tổng số 36 nước và lãnh thổ đầu tư vào Lào. Năm 2002, trong tổng số 12,8 triệu USD mà các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào, thì đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất với 8 dự án, số vốn đăng ký gần 7,6 triệu USD tiếp đến là lĩnh vực dịch vụ (với 7 dự án, số vốn đăng ký là 2,2 triệu USD) còn lĩnh vực nông, lâm nghiệp cũng chiếm tỷ lệ cao với 4 dự án và hơn 2 triệu USD. Đến tháng 9/2006, số dự án và vốn của Việt Nam đầu tư vào Lào đã nâng lên rõ rệt với 78 dự án có tổng số vốn là 745,665 triệu USD, đứng thứ 2 trong các nước đầu tư vào Lào [16]. Trong đó đầu tư vào lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng chiếm khoảng 60% số vốn đăng ký, vào chế biến gỗ chiếm 23%, thương mại dịch vụ chiếm 6,2%, sản xuất kinh doanh được phẩm chiếm 10%.

Về phía Lào, cho đến tháng 12/2006, đã có 7 dự án của Lào đầu tư vào Việt Nam với số vốn khoảng 17 triệu USD [5,6,7], trong đó có 1 dự án liên doanh 3 bên với Thái Lan lắp ráp xe gắn máy tại Hưng Yên, hoạt động từ 1995 đến nay sản xuất kinh doanh có hiệu quả; một dự án liên

doanh chế biến nông sản với tỉnh Hải Dương đi vào hoạt động từ tháng 7/2002; một dự án ngân hàng liên doanh Việt - Lào đặt trụ sở tại Hà Nội; hai dự án siêu Việt - Lào tại thành phố Vinh, thành phố Hà Tĩnh. Mặc dù số vốn và dự án đầu tư của Lào vào Việt Nam còn thấp, nhưng đó là những nỗ lực rất đáng khen ngợi của các doanh nghiệp Lào, góp phần mở ra khả năng đầu tư của các doanh nghiệp Lào tại Việt Nam nói riêng và quá trình đầu tư ra nước ngoài của các xí nghiệp Lào nói chung. Mặt khác, cũng thấy rõ sự cố gắng nỗ lực của Lào trong việc bình đẳng hơn về quan hệ đối tác kinh tế của nhau.

Nhìn chung, đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Lào và Lào vào Việt Nam mặc dù đã thu được những thành tựu quan trọng, có tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của 2 bên nhưng cơ bản vẫn còn hạn chế, các dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào còn ở quy mô nhỏ với số vốn bình quân khoảng 500.000 USD/ 1 dự án. Một số ngành, lĩnh vực chưa được quan tâm đúng mức như việc sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông, các thiết bị cần cho công nghệ cao. Đến năm 2004, Việt Nam đã có 29 dự án nhỏ với tổng số vốn khoảng 18,9 triệu USD, đứng thứ 7 trong số các quốc gia đầu tư vào Lào. Tại cuộc hội thảo "Cơ hội đầu tư và kinh doanh tại Lào diễn ra ngày 11/5/2004 ở Hà Nội, Phó Thủ tướng Lào khẳng định: "Chúng tôi tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà doanh nghiệp Việt Nam trong việc đầu tư vốn, kỹ thuật công nghệ tại Lào" [12]. Lào đang thực hiện chính sách mở rộng cửa với các nhà đầu tư, giảm bớt

chi phí ban đầu thông qua việc cho thuê đất dài hạn với giá thấp, miễn thuế hải quan và các thứ thuế khác, giảm thuế cho các mặt hàng xuất khẩu sang Lào và Việt Nam. Đồng thời chính phủ Việt Nam coi đầu tư sang Lào là một hình thức hợp tác đầu tư quan trọng mang tính chiến lược lâu dài và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành viên đầu tư sang Lào. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề khúc mắc cần được tháo gỡ của cả doanh nghiệp Việt Nam và Lào là phải cấp vốn kịp thời, đồng thời phải xây dựng công nghệ hiện đại. Điều này rất cần sự giúp đỡ của cả hai chính phủ Việt Nam và Lào.

Mặc dù được Đảng và chính phủ Việt Nam và Lào rất quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, nhưng việc đầu tư giữa hai nước còn hạn chế vì còn thiếu vốn và công nghệ. Cả hai nước với nền nông nghiệp là chủ yếu và đều là những nước nghèo đang phát triển, trong khi thị trường mỗi nước lại đang đòi hỏi các nhà đầu tư của nước mình khai thác triệt để những khả năng sẵn có. Bên cạnh đó, hệ thống luật của mỗi nước vẫn chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ đã chi phối nhiều hoạt động của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn mỗi nước, hệ thống chính sách còn có sự chông chéo khiến các nhà đầu tư nước ngoài mất nhiều thời gian. Mặt khác, sự hạn chế về thị trường và sức mua của Lào cũng thiếu hấp dẫn các nhà đầu tư Việt Nam.

Để khắc phục những hạn chế trên, hai nước đã ban hành nhiều quyết định nhằm đơn giản hóa thủ tục xin giấy phép, quy định thời gian và chức năng nhiệm vụ của từng bộ, ngành, địa phương. Điều này góp

phần thúc đẩy hợp tác kinh tế Việt - Lào phát triển sang một bước cao hơn là cơ sở để hai bên hỗ trợ nhau tăng lực sản xuất nội địa, tận dụng nguồn nhân tài vật lực của đất nước phát triển, từng bước làm quen với toàn cầu hóa, khu vực hóa, hội nhập nền kinh tế thế giới.

Quan hệ hợp tác thương mại Việt - Lào giai đoạn này cũng có bước triển đáng kể. Trên lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa, nếu năm 1991, tổng ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Lào chỉ đạt 6,9 triệu USD thì đến năm 1992, năm đầu tiên thực hiện Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa khoa học - thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1991-1995 đã tăng lên 23,7 triệu USD; năm 1993 là 56,3 triệu USD; năm 1994 là 123,8 triệu USD. Cơ cấu mặt hàng thay đổi, xuất hiện nhiều loại hàng mới. Ngoài hàng hóa tiêu thụ nhu yếu phẩm như: gạo, thịt lợn, bò ... Việt Nam còn xuất sang Lào măng, sắt thép xây dựng. Việt Nam nhập từ Lào: thạch cao, cà phê, gỗ, lâm sản cánh kiến... Năm 1995, kim ngạch xuất nhập bán 2 chiều Việt Nam - Lào đạt 104 triệu USD, tăng 150% so với năm 1991. Trong các năm từ 1996-1998, kim ngạch thương mại giữa hai nước tuy có giảm do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á nhưng vẫn đạt 217,4 triệu USD vào năm 1998 và tăng lên 360 triệu USD vào năm 1999. Năm 2000 kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên có giảm nhưng vẫn đạt 178 triệu USD [13]. Trong hoạt động thương mại nhập khẩu, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Lào chủ yếu là nông

(cà phê, gạo, hạt tiêu, lạc nhân, rau quả...). Năm 2000, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Lào đã xuất hiện nhiều mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, linh kiện, phụ kiện, dầu ăn, điện... Hàng nhập khẩu Việt Nam từ Lào chủ yếu là xe máy, khoáng sản, gỗ, lâm sản cùng một số lượng lớn các thiết bị, máy móc, thiết bị phụ tùng phục vụ các ngành giao thông, xây dựng trong đó sản phẩm gỗ chiếm 80% tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Lào.

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam với Lào càng được đẩy mạnh, đặc biệt là sau khi Việt Nam, Lào ký thỏa thuận Cửa Lò, tháng 12/1999, hai bên đồng ý giành cho nhau quy chế ưu đãi về thuế nhập khẩu 38 mặt hàng từ Lào sang, đồng thời cho phép Lào xuất sang Việt Nam các sản phẩm như: bia, thuốc lá. Đặc biệt tháng 7/2001, hai bên đã ký thỏa thuận về quy chế sử dụng cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh) và Việt Nam sẽ giảm 4 loại cước vận chuyển cho các doanh nghiệp Lào như là với các doanh nghiệp Việt Nam. Tháng 8/2002, Việt Nam và Lào đã ký thỏa thuận Viêng Chăn, tiếp tục giảm 50% thuế cho các mặt hàng có xuất xứ từ mỗi nước. Với những nỗ lực của cả Việt Nam và Lào, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 1999 - 2005 đã đạt gần 2 tỷ USD, riêng năm 2005 là 165 triệu USD (tăng 15,4% so với năm 2004). Chỉ riêng 10 tháng đầu năm 2006 đã đạt 201 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất 74,2 triệu USD tăng 37,6% còn Lào xuất sang Việt Nam đạt 126,6 triệu USD (tăng 59,4% so với cùng kỳ năm trước). Bộ

thương mại 2 nước đã thường xuyên tổ chức về chợ biên giới Việt Nam - Lào, lập ngân hàng liên doanh Lào - Việt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh toán hoặc mở các cửa khẩu Lao Bảo, khu thương mại Đen SaVân, các khu thương mại ở các trục xuyên Á. Về thị phần, hiện nay hàng hóa của Việt Nam chiếm 15 - 40% thị phần của Lào. Hàng hóa của Lào xuất khẩu sang Việt Nam chiếm 30-40% tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào ra thị trường thế giới[15,16]. Đây quả là một con số đáng khích lệ cho thấy hợp tác thương mại Việt Nam - Lào ngày càng tăng lên.

Tóm lại, hợp tác thương mại giữa Việt Nam - Lào đã có những tiến bộ đáng kể góp phần không nhỏ đến phát triển kinh tế xã hội hai nước, nhưng nhìn chung vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của hai bên, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng không liên tục, chỉ quan hệ chủ yếu là các tỉnh vùng biên và kết nghĩa với Việt Nam, khó khăn trong thanh toán ngoại tệ từ phía Lào, cũng như những khó khăn về yếu tố địa hình đã cản trở không nhỏ đến các hoạt động kinh tế, thương mại giữa hai nước.

2. Quan hệ kinh tế, thương mại giữa Việt Nam với Campuchia

Trong những năm gần đây, quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia có nhiều tiến triển tốt đẹp. Bên cạnh những thắng lợi của hợp tác chính trị, an ninh, ngoại giao, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với Campuchia cũng có những bước chuyển biến đáng kể. Sau hơn 20 năm đổi mới ở Việt Nam và hơn 10 năm công cuộc cải

cách ở Vương quốc Campuchia, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Campuchia đạt được những thành tựu khá nổi bật. So với hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Lào thì hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Campuchia có phần hạn chế hơn. Cho đến tháng 6/ 2006, Việt Nam mới chỉ có 4 dự án đầu tư vào Campuchia với số vốn là 9,135 triệu USD, đứng thứ 2 trong tổng số 57 dự án mà Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Trong những năm gần đây hoạt động đầu tư của Việt Nam vào Campuchia mặc dù có những tiến triển nhưng vẫn chỉ dừng lại ở con số 25 triệu USD vốn đăng ký [3], một con số quá nhỏ bé so với thị trường giàu tiềm năng như Campuchia.

Đầu tư của Việt Nam vào Campuchia tập trung vào các lĩnh vực như: may mặc, xây dựng, chế biến gỗ, kinh doanh khách sạn, du lịch và thông tin liên lạc ... Riêng với lĩnh vực bưu chính viễn thông, năm 2006, Tổng công ty viễn thông quân đội Viettel đã đầu tư hơn một triệu USD vào thị trường Campuchia. Để tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp hai nước, hàng năm Việt Nam và Campuchia thường xuyên tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc tế nhằm giới thiệu về tiềm năng thị trường của nhau. Ngày 14/1/2005, Tòa Đô chính Kinh đô Phnômpenh phối hợp với ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổ chức một cuộc hội thảo "Cơ hội đầu tư và du lịch vào Campuchia" tại Phnômpenh với sự tham gia của 300 doanh nghiệp Việt Nam, Campuchia. Tại hội thảo, hai bên đã ký kết 7 hợp đồng và nhiều biên bản ghi nhớ với giá trị hơn 55 triệu USD trên các lĩnh

vực như: thương mại, y tế, du lịch, hạ tầng cơ sở, nông nghiệp, phân truyền thông dữ liệu với các đối tượng Campuchia. Về phía Campuchia, tính cuối năm 2005, đã có 4 dự án đầu tư từ Việt Nam với số vốn 4 triệu USD, đứng thứ 59/74 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Mặc dù số dự án không nhiều, số vốn không lớn nhưng đây là những tín hiệu đáng mừng trong tiến trình hợp tác đầu tư của Campuchia với Việt Nam, mở ra khả năng hợp tác doanh nghiệp hai nước, nhất là từ Campuchia. Có thể nhận thấy, mối quan hệ trong lĩnh vực này giữa hai bên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và tiềm năng trong hợp tác kinh tế Việt Nam và Campuchia. Với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của chính phủ hai nước chúng ta hy vọng rằng hợp tác đầu tư giữa Việt Nam, Campuchia sẽ có những bước phát triển mới trong những năm tiếp theo. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Campuchia là một trong những hoạt động sôi động nhất trong quan hệ kinh tế giữa hai nước. Người dân Campuchia với mức sống thấp (thu nhập bình quân đầu người trên 300USD/năm) nên họ ưa chuộng hàng hoá phù hợp với mình nhưng giá cả và chất lượng tốt, điều này rất phù hợp với các loại hàng hoá của Việt Nam. Ngược lại, hàng hoá của Campuchia cũng rất phù hợp với yêu cầu của người Việt Nam, đặc biệt là hàng nông sản.

Trong những năm gần đây, kim ngạch buôn bán 2 chiều giữa Việt Nam và Campuchia có xu hướng tăng mạnh (30%/năm). Năm 1998, trong thời điểm

hai nước ký Hiệp định thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu của 2 nước cũng mới chỉ đạt 117 triệu USD, nhưng đến năm 2004 đã tăng lên 517 triệu USD và năm 2005 đạt gần 700 triệu USD, tăng 34% so với 2004 [3,16]. Kim ngạch thương mại Việt Nam-Campuchia 2001-2005 tăng lên đáng kể. Nếu như 2001, tổng xuất nhập khẩu là 184 triệu USD thì 2005 là 639 triệu USD. Chỉ riêng 8 tháng đầu năm 2006, kim ngạch buôn bán 2 chiều Việt Nam - Campuchia đã đạt 461 triệu USD, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia đạt 375 triệu USD, tăng 48,8% và nhập khẩu 68 triệu USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2005, các mặt hàng nhập khẩu từ Campuchia sang Việt Nam tăng mạnh do có 40 mặt hàng nông nghiệp Campuchia xuất sang Việt Nam được hưởng thuế xuất 0% [3,16].

Trong quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia chủ yếu là xăng dầu, sắt thép và vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa, hàng dệt may, hải sản, dầu ăn, rau quả, cao su, sữa, hạt điều, vi tính và linh kiện. Số lượng xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam tăng lên nhanh chóng. Ví dụ xuất khẩu xăng dầu sang Campuchia năm 2000 là 80 triệu USD đến 2001 là 85 triệu USD, vật liệu xây dựng là 1 triệu USD tăng lên 2 triệu USD, sắt thép 2,5 triệu USD lên 4 triệu USD. Riêng mặt hàng mì ăn liền đạt hơn 23 triệu USD. Đây là những mặt hàng truyền thống mà Việt Nam có thế mạnh, phù hợp với thị hiếu và giá rẻ nên dễ thâm nhập thị trường

Campuchia và có khả năng cạnh tranh với hàng hóa của Thái Lan và Trung Quốc. Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Campuchia chủ yếu là gỗ chế biến, cao su, nông sản, hải sản. Năm 2000, Việt Nam nhập của Campuchia 2,5 triệu USD gỗ chế biến thì năm 2001 là 3 triệu USD, còn cao su năm 2000 là 1,5 triệu USD và 2001 là 2 triệu USD. Để tạo điều kiện thuận lợi và phát triển hơn nữa việc hợp tác kinh tế và thúc đẩy buôn bán thương mại có hiệu quả, hai nước đã mở nhiều khu kinh tế cửa khẩu trên tuyến biên giới hơn 1000 km giữa Việt Nam với Campuchia. Cho đến nay, hai nước đã hợp tác mở 7 khu kinh tế cửa khẩu, 43 cửa khẩu và 23 chợ biên giới, rất thuận lợi cho buôn bán chính ngạch và tiểu ngạch. Đó là cơ sở để tiếp tục thúc đẩy quan hệ thương mại hai nước phát triển hơn nữa.

Hiện nay, Việt Nam là bạn hàng lớn thứ 2 của Campuchia trong ASEAN (sau Thái Lan) và là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Campuchia trên thế giới (sau Trung Quốc, Hồng Kông và Thái Lan). Tính đến tháng 7/2006, Việt Nam đã có gần 30 văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc đại lý phân phối tại Campuchia. Trong đó có các công ty của Việt Nam và liên doanh của Việt Nam với nước ngoài sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, chiếm được chỗ đứng trên thị trường Campuchia. Về thị phần, nếu như trước năm 1999, hàng Việt Nam mới chỉ chiếm 4 - 10% thị phần Campuchia, thì hiện nay theo đánh giá của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Campuchia, hàng Việt Nam đã chiếm 45-50% thị phần ở Campuchia [6]. Hàng hóa

và sản phẩm dịch vụ của Việt Nam ngày càng phong phú, bên cạnh các mặt hàng truyền thống đã bắt đầu có sự xuất hiện các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như năng lượng, vi tính và điện tử. Có thể nói, quan hệ thương mại và dịch vụ Việt Nam với Campuchia, một thị trường mới giàu tiềm năng đã có những bước phát triển vượt bậc trong những năm qua đã góp phần tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội mỗi nước, đặc biệt là với Campuchia. Đối với Việt Nam, việc các doanh nghiệp Việt Nam chiếm lĩnh thị trường Campuchia đã mở ra một hướng đi mới cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, đó là tập trung vào các thị trường vừa sức, không yêu cầu công nghệ cao thu lãi nhanh và dễ quay vòng vốn. Trên cơ sở kết quả hợp tác thương mại giữa Việt Nam với Campuchia (1991-2006), các nhà phân tích kinh tế cho rằng quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia còn có điều kiện phát triển cao hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Nhìn chung sau hơn 20 năm công cuộc cải cách đổi mới của Việt Nam, Lào và sau 10 năm cải cách kinh tế của Campuchia, quan hệ kinh tế đối ngoại của ba nước đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế xã hội, nâng cao mức sống người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng... Quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam với Lào và Campuchia là một trong những hoạt động thành công trong kinh tế đối ngoại của Việt Nam, Lào và Campuchia. Quan hệ hợp tác Việt Nam, Lào và Campuchia nói chung, quan hệ kinh tế, thương mại giữa

ba nước nói riêng đã góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế mỗi nước đồng cũng góp phần vào việc duy trì hòa bình ổn định an ninh và phát triển chung khu vực Đông Nam Á và thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân Dân, số ra ngày 24/6/2007.
2. Thông Tấn xã Việt Nam, "Quan hệ hợp tác Campuchia - Việt Nam", Thông tin tư liệu, Hà Nội, 14/3/2006.
3. Thông tấn xã Việt Nam, "Quan hệ hữu nghị hợp tác Campuchia - Việt Nam", Thông tin tư liệu, Hà Nội, 16/12/2006.
4. Trần Bảo Minh, (2002), "Hợp tác Việt Nam và Lào trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn", TTKHXHNV, TP. Hồ Chí Minh.
5. <http://www.mofa.gov.vn:8080/web+server/gein+policy>
6. <http://www.mofa.gov.vn>
7. www.ITPC.hochiminh+City.gov.VN
8. www.Viwikipedia.olp
9. ww.nea.gov.VN
10. Phạm Đức Thành, Campuchia gia nhập WTO, Tạp chí NCDNA, số 3/2006.
11. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (2005), "Hợp tác tiểu vùng sông Mêkông mở rộng". VTKHXHVN-VKTTG, Hà Nội.
12. Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 13/2004.
13. Kỷ yếu Hội thảo (2006), "Kỷ niệm 25 năm nhân ngày ký Hiệp ước hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Lào".
14. TTXVN (2006), Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia.
15. TTXVN (2006), Tuyên bố chung Việt Nam - Lào.
16. TTXVN (2006), Quan hệ hữu nghị hợp tác đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.